

Bản án số: 324/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Mai Thị Thảo**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1991;

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**.

Người được chị **M** ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1992; địa chỉ: **A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương**.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn D**, sinh năm 1996;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**; nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị M** trình bày: Chị và anh **Đỗ Văn D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** ngày 03/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được

khoảng nửa tháng thì anh **D** đi lao động tại Nhật Bản, anh **D** có về phép một lần vào năm 2023, sau đó lại tiếp tục sang Nhật Bản sinh sống và làm việc cho đến nay chưa về nước. Thời gian đầu anh chị có liên lạc với nhau nhưng từ cuối năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh chị không liên lạc với nhau. Bên cạnh đó, giữa chị và mẹ chồng cũng có mâu thuẫn, mẹ con không hợp nhau và thường xuyên nói xấu lẫn nhau nên không thể sống chung cùng với mẹ chồng được, chị đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở từ cuối năm 2023 cho đến nay. Anh **D** không có quan điểm lập trường, nghe theo mẹ, do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Đỗ Văn D**.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thống nhất thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị **M** đang bận công việc nên chị ủy quyền cho anh **Nguyễn Ngọc T** thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị **M** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **D** nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh **D**. Bà **Trần Thị D1** (là mẹ đẻ anh **D**) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh **D** ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh **D** vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **D** biết. Anh **D** xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị **M** có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung anh, chị tự thống nhất thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người được chị **M** ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh **Nguyễn Ngọc T** trình bày:* Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị **M**, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị **M** biết, chị **M** vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị **M**, anh **D** đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị **M** và anh **D** có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì anh **D** đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng chủ yếu sống xa cách, mỗi người sống một nơi, không có con chung nên không có sự ràng buộc, gắn bó. Nay chị **M** có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị M** ly hôn anh **Đỗ Văn D**; chị **M** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Phạm Thị M** hiện đang cư trú tại **thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**, bị đơn anh **Đỗ Văn D** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương**. Hiện anh đang lao động, sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **M** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **D**. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh **D** cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà **D1** là mẹ đẻ anh **D** để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **M** và anh **D**, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà **D1** vẫn liên lạc với anh **D** và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **M** và anh **D**. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** ngày 03/02/2020 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị **M** và anh **D** có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi không có sự quan tâm chia sẻ, hơn nữa vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung nên không có sự ràng buộc, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị **M** có đơn xin ly hôn, anh **D** cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **M** và anh **D** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **M** ly hôn anh **D**.

[4] Về quan hệ con chung: Chị **M**, anh **D** không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **M**, anh **D** tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Phạm Thị M** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị M**, xử cho chị **Phạm Thị M** ly hôn anh **Đỗ Văn D**.

2. Về án phí: Chị **Phạm Thị M** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000627 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị **M** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Phạm Thị M** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh **Đỗ Văn D** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu